TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 140/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 22 - 3 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 434/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị L, sinh năm 1973;(Có đơn xin vắng mặt);

Trú tại ấp Bình Tr2, xã Bình Thạnh Đ, huyện PT, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1970; (Vắng mặt)

Trú tại ấp Mỹ Ph, xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Hồ Thị L trình bày: Bà và ông Tr chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện PT, tỉnh An Giang. Sau khi

cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cải vả nhau, không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Tr. Về con chung: Bà và ông Tr chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07/12/1999, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 09/02/2001 hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được. Về T sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tr.

Tại phiên tòa, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà L cho rằng bà và ông Tr chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả nhau, không còn tình cảm, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân 02 năm, nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07/12/1999, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 09/02/2001 hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về T sản chung, nợ chung: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn Tr có hộ khẩu thường trú tại xã Mỹ Đ, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà L khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông Tr được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Tr chung sống chung sống năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện PT, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà L và ông Tr, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thấy rằng bà L và ông Tr chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không còn tình cảm, đã ly thân 02 năm, bà L kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã tạo cơ hội và thời gian cho ông bà hàn gắn, nhưng đến nay Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông Tr đều không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

- Về con chung: bà L và ông Tr chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Ng, sinh ngày 07/12/1999, Nguyễn Hữu T, sinh ngày 09/02/2001 hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về T sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 20/4/1999 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện PT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Đã thành niên và co khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về T sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003598 ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện CP;
- UBND xã Bình Thạnh Đ, h.PT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ngọc Mỹ